TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2026/HN-ST

Ngày: 22-5-2026

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Kim Sơn

2. Ông Nguyễn Phước Bình

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2026/TLST - HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2026, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2026/QĐST – HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1990. Địa chỉ thường trú: ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: ấp K, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn S, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Chị L, anh S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 12/3/2026 và trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày*:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Phạm Văn S. Lý do: Chị và anh S tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2010. Quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng không thể giải quyết được. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Phạm Thái B, sinh ngày 11/6/2009; Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 22/6/2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu anh Phạm Văn S cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

** Bị đơn anh Phạm Văn S trình bày trong quá trình tố tụng:*

1. Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ L.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Thái B và Phạm Thị Mỹ D. Khi ly hôn, anh tôn trọng nguyện vọng của con, nếu con muốn sống với cha thì anh nuôi, nếu con muốn sống với mẹ thì để chị Nguyễn Thị Mỹ L nuôi nhưng phải nuôi dạy con tốt.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà, đều có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L. Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Phạm Văn S; Con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được trực tiếp nuôi 02 con là Phạm Thái B, sinh ngày 11/6/2009 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 22/6/2013. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu anh Phạm Văn S cấp dưỡng nuôi 02 con. Tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Phạm Văn S trình bày không có, không giải quyết. Chị Nguyễn Thị Mỹ L chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*. Trong đó xác định chị Nguyễn Thị Mỹ L là nguyên đơn, anh Phạm Văn S là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xét việc vắng mặt của chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Phạm Văn S đều có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L, thấy rằng:

Hôn nhân giữa chị L và anh S là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu và có 02 con chung. Tuy nhiên, theo chị L trình bày sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

nhưng không tìm được hướng giải quyết mà để mặc cho mâu thuẫn xảy ra và ngày càng trầm trọng. Nay tình cảm không còn, chị L làm đơn xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng đã tạo điều kiện triệu tập đến Toà để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng anh S vắng mặt và đồng ý ly hôn, điều đó chứng minh anh S không có ý muốn hoà giải đoàn tụ. Nay cả chị L và anh S đều đồng ý ly hôn. Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ giữa chị L và anh S là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Phạm Thái B, sinh ngày 11/6/2009 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 22/6/2013. Khi ly hôn, chị L xin trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Anh S trình bày tôn trọng nguyện vọng của 02 con. Xét thấy, khi được hỏi ý kiến thì 02 con đều có nguyện vọng sống chung với mẹ. Khi thực hiện xác minh mâu thuẫn vợ chồng thì bà Nguyễn Thị G là mẹ của chị L cũng xác định khoảng 01 năm nay chị L và 02 con sống cùng với gia đình bà, anh S có đến thăm 02 - 03 lần nhưng vợ chồng không hàn gắn được. Thấy rằng các con đã sống chung cùng mẹ từ khi sinh ra, đều đang độ tuổi phát triển về tâm sinh lý, cần có mẹ hỗ trợ và chăm sóc, giáo dục hơn. Do đó, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con, cần để chị L trực tiếp nuôi 02 con chung là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị L và anh S cùng trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị L và anh S cùng trình bày không có, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị L chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Phạm Văn S.

2. Về con chung: Phạm Thái B, sinh ngày 11/6/2009 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 22/6/2013. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Mỹ L được trực tiếp nuôi 02 con. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu anh Phạm Văn S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Phạm Văn S cùng trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Phạm Văn S cùng trình bày không có, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004935 ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;*
- *THADS tỉnh Vĩnh Long;*
- *Cơ quan thực hiện ĐKKH;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thuý Hằng